

# MỘT SỐ GIÁ TRỊ TÂM LÝ - ĐẠO ĐỨC ĐƯỢC ĐỀ CAO TRONG QUAN HỆ VỢ CHỒNG VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG (PHÂN TÍCH CA DAO - TỤC NGŨ)

Trần Thu Hương

*Khoa Tâm lý học, Trường ĐHKHXH&NV.*

Trong lịch sử phát triển của các dân tộc, mỗi dân tộc đều xây dựng, củng cố và duy trì sự phát triển văn hóa của dân tộc mình. Các thế hệ nối tiếp nhau tạo nên truyền thống văn hóa qua hai hình thức tồn tại: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Sự thể hiện rõ nhất của văn hóa phi vật thể là kho tàng văn hóa dân gian (trong đó có ca dao, tục ngữ). Bởi vậy, nghiên cứu ca dao, tục ngữ như một hệ giá trị văn hóa, nhằm tìm ra một số đặc điểm tâm lý trong giao tiếp, ứng xử nói chung, trong mối quan hệ vợ chồng nói riêng, không chỉ có ý nghĩa đối với truyền thống mà còn có ý nghĩa đối với việc duy trì và phát triển văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu trong đề tài: "*Một số nét tâm lý đặc trưng trong giao tiếp của người Việt xưa thông qua ca dao, tục ngữ*". Chúng tôi đã lựa chọn được 1658 câu ca dao, tục ngữ phù hợp với đối tượng và mục đích nghiên cứu của đề tài, trên tổng số 12700 câu trong hai bộ sách "*Kho tàng ca dao của người Việt*" tập 1,2 do Nguyễn Xuân Kính chủ biên và "*Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam*" do Vũ Dũng chủ biên.

Thông qua nghiên cứu ca dao, tục ngữ của người Việt trong kho tàng văn hóa dân gian của dân tộc dưới góc độ tâm lý học, chúng tôi thấy nó đã phản ánh được tâm lý, tính cách của cả dân tộc ở những thời kỳ lịch sử nhất định.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến một số giá trị tâm lý - đạo đức được đề cao trong mối quan hệ vợ chồng.

Trọng tình, trọng nghĩa là một nét tính cách nổi bật của người Việt (sở dĩ chúng tôi có thể khẳng định như vậy là vì qua thống kê, tuyệt đại đa số các câu ca dao, tục ngữ đều đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến phẩm chất này), nó có tác dụng duy trì sự đoàn kết trong gia đình, dòng tộc và cả làng xã, nhưng

nó cũng có những nhược điểm nhất định. “Tình - Nghĩa” đã trở thành nền tảng, là cơ sở để xuất phát và vận hành các mối quan hệ, đồng thời, nó cũng là cái đích mà các mối quan hệ giao tiếp phải đạt đến: “*Một bồ cái lý không bằng một tỹ cái tình*” hoặc “*Sông sâu nước chảy đá mòn/ Cửa kia ăn hết nghĩa còn ghi xương*”. Cái tình, cái nghĩa đã ăn sâu vào máu thịt của người dân Việt, nó là một phần không thể thiếu trong cách sống, cách hành xử của họ. Chính vì thế, trong quan hệ vợ chồng, người Việt cũng ứng xử với nhau theo “nghĩa vợ chồng”.

Trong lịch sử phát triển gia đình truyền thống của người Việt, hôn nhân thường không bắt nguồn từ tình yêu, nhưng phần lớn các cặp vợ chồng đã sống với nhau đến “*dâu bạc răng long*”. Người Việt thường hay nói tình yêu có thể phai nhạt đi theo năm tháng, nhưng **cái nghĩa** của con người với nhau thì tồn tại rất lâu bền. Bởi vậy mà tục ngữ có câu: “*Gái có công chồng chẳng phụ*”, “*Vợ chồng là nghĩa đá vàng trăm năm*” hoặc “*Trăm năm gói phượng má đào bên em*”. Theo thống kê và phân tích của chúng tôi thì nội dung chính trong ca dao về đạo vợ chồng cũng là những cách thức ứng xử thấm thiết nghĩa tình, nó giản dị mà thuần phác, nhưng lại là một trong những giá trị đạo đức trường tồn: “*Tai em nghe anh đau đầu chuta khál Em băng đồng chỉ sá đi bẻ nắm lá nọ về xông/ Ở thế nào cho trọn nghĩa vợ chồng/ Đổ mồ hôi ra em chặn, ngọn gió lòng em che*”... Ngoài ra, do cuộc sống khó khăn, vất vả, vợ chồng thường phải đồng cam cộng khổ bên nhau, nên **cái nghĩa** chính là chất keo kết dính các cuộc hôn nhân, nó là một giá trị đạo đức được đề cao trong quan hệ vợ chồng: “*Sập vàng mà trái chiếu hoa, không bằng áo thiếp đắp qua dạ chàng*”.

Sự thủy chung, trước sau như một là hệ quả tất yếu của việc đề cao tình nghĩa vợ chồng. Theo thống kê của chúng tôi, trong số 204 câu ca dao nói về quan hệ giao tiếp giữa vợ với chồng, thì có hơn 90% câu đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình cảm gắn bó vợ chồng: “*Sáng trăng trái chiếu hai hàng/ Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ/ Quay tơ phải giữ mối tơ/ Dâu năm bảy mối cũng chờ mối anh*”, “*Đèn lồng khi xách khi treo/ Vợ chồng khi thắm khi nghèo có nhau*”, “*Đêm hè gió mát trăng thanh/ Em ngồi chẻ lạt cho anh chấp thừng/ Lạt chẳng mỏng sao thừng được tốt/ Duyên đôi ta đã trót cùng nhau/ Trăm năm thể những bạc dâu/ Chớ tham phú quý đi cầu trăng hoa*”, “*Đôi ta vợ cấy chồng cấy/ Chồng nay sùng sớm, vợ nay sùng chiều/ Ta nghèo vui phận ta nghèo/ Quán chi sùng sớm sùng chiều hỏi anh*”.

Trong ca dao còn có rất nhiều câu thể hiện tình cảm gắn bó, thủy chung của người vợ đối với chồng: “*Chàng ơi chớ có sầu tư/ Khi xưa có mẹ bây giờ có em*”, “*Có chồng thì phải theo chồng/ Chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo/ Có chồng thì phải theo chồng/ Đắng cay cùng chịu mặn nồng cùng vui*”, “*Đi dò tát nước cho chuyên/ Lấy chồng thì phải giữ duyên cho chồng*”, “*Em là con*

*gái có chồng/ Tổ cha những đứa đem lòng nợ kia”... Ca dao đã cho ta hình tượng về người phụ nữ Việt Nam xưa một lòng gắn bó theo chồng, cam chịu, hy sinh bản thân để đảm nhận tất cả mọi công việc trong gia đình: từ việc lao động đồng áng, lo chi tiêu sưu thuế, đến việc nuôi dạy con cái, phụng dưỡng cha mẹ chồng: “Con cuốc kêu khắc khoải mùa hè/ Làm thân con gái phải nghe lời chồng/ Sách có chữ rằng phu xứng phụ tòng/ Làm thân con gái lấy chồng xuất giá/ Lấy em về thờ kính mẹ cha/ Thờ cha kính mẹ ấy là người ngoan”, “Một mình lo tảo lo tân/ Lo phần sưu thuế lo phần chồng con”, “Nhờ em mọi việc gia đình/ Tứ thân phụ mẫu một mình em lo”. Những người vợ Việt Nam truyền thống đã rất vững lòng khi khẳng định mình là chỗ dựa tinh thần vững chắc của chồng: “Đạo cương thường khó để đổi thay/ Dầu làm nên vông giá rui ăn mày cũng theo nhau”. Sự không may mắn trên con đường công danh của người chồng không làm cho người vợ thất vọng, khinh ghét, ruồng rẫy mà ngược lại càng làm sâu sắc thêm tình cảm vợ chồng, đó là một nét tâm lý độc đáo của những người phụ nữ Việt Nam xưa.*

Về phía người chồng, ca dao, tục ngữ cũng rất đề cao sự yêu thương gắn bó, thủy chung, một lòng nghĩa tình với vợ: “Đôi bên bác mẹ tư tề/ Anh đi làm rể em về làm dâu/ Chẳng tham nhà gỗ xoan dâu/ Tham vì một nỗi em mau miệng cười/ Trăm quan mua một miệng cười/ Trăm quan không tiếc tiếc người hồng nhan”, “Trời hè lấm trận mưa rào/ Gặt sớm phơi sớm liệu sao cho vơi/ Khuyên em chớ ngại nắng mưa/ Của chồng công vợ bao giờ quên nhau”.

Theo Phạm Việt Long, các cặp vợ chồng gắn bó với nhau cả ở khía cạnh vật chất và tinh thần. Sự gắn bó này tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua mọi sóng gió: “Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn”.

Giá trị thứ ba chi phối cách ứng xử giữa hai vợ chồng đó là bầu không khí tâm lý hòa thuận trong gia đình. Bầu không khí tâm lý trong gia đình là toàn bộ những sắc thái tâm lý chung tạo ra nếp sống, thói quen, sự hòa hợp hoặc không hòa hợp giữa các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của gia đình: “Lấy anh thì sống hơn vua/ Anh đi xúc giậm được của kên càng/ Đem về nấu nấu rang rang/ Chồng chan vợ húp lại càng hơn vua”, “Kể chi trời rét đông sâu/ Có chồng có vợ rủ nhau cày bừa/ Bầy giờ trưa đã hở trưa/ Chồng vác lấy bừa vợ dắt con trâu/ Một đoàn chồng trước vợ sau/ Trời rét mặc rét đông sâu mặc đông”. Nhìn vào các câu ca dao này, chúng ta thấy thấm đẫm tình cảm yêu thương, gắn bó giữa hai vợ chồng, tình cảm này sẽ tạo ra một không khí đầm ấm trong gia đình.

Theo thống kê của chúng tôi, người đem lại bầu không khí hòa thuận ấy không ai khác chính là người vợ. Mặc dù, họ luôn không phải là người chủ động trong giao tiếp, ứng xử, nhưng khi gia đình có mâu thuẫn, sóng gió, “*com chẳng lành canh chẳng ngọt*” thì chính họ sẽ thỏa hiệp với chồng để gia đình

yên ấm: “*Chồng giận thì vợ bớt lời/ Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê*”, “*Chồng giận thì vợ làm lành/ Miệng cười hờn hử rằng anh giận gì*”, “*Chồng giận thì vợ làm lành/ Miệng cười chím chím thuta anh giận gì/ Thuta anh, anh giận em chi/ Muốn lấy vợ bé em thì lấy cho*”.

Sở dĩ người vợ có thể hành động được như vậy là do quá trình xã hội hóa, nó đã nắn họ vào khuôn phép, chấp nhận trật tự xã hội đề cao vai trò trụ cột của người đàn ông, người đàn bà chỉ là người thừa hành, là người thỏa hiệp và chấp nhận quyết định mà người đàn ông đưa ra. Ngay từ khi còn nhỏ những người phụ nữ này đã nhìn vào tấm gương lớn, có sự đồng nhất hóa với hình ảnh, sự ứng xử của người mẹ với mọi thành viên trong gia đình - nhất là sự ứng xử của mẹ đối với bố - người có tiếng nói, vị thế quan trọng nhất trong gia đình. Dư luận xã hội, phong tục, tập quán, truyền thống xã hội cũng lên án gay gắt những người phụ nữ bị gia đình và chồng bỏ rơi: “*Nửa trôi sông chẳng đập cũng gậy, gái bị chồng rẫy không chúng nợ cũng tạt kia*”. Tất cả những điều đó đã xây dựng ở những người phụ nữ Việt Nam xưa khuôn mẫu, cách thức ứng xử với chồng và gia đình nhà chồng. Xét ở khía cạnh tích cực, chính nó đã giúp cho người vợ khả năng gìn giữ bầu không khí ấm cúng trong gia đình.

Sự nhẫn nhịn, hy sinh vì chồng, vì con là giá trị thứ tư được đề cao trong quan hệ vợ chồng. Ca dao, tục ngữ có rất nhiều câu nói đến sự chịu thương, chịu khó, tần tảo của người phụ nữ: “*Vì chồng em phải chạy dàu/ Vì chồng em phải qua cầu đặng cay*”, “*Cái ngủ mà ngủ cho lâu/ Mẹ mà đi cấy đồng sáu chưa về, bắt được con giếc con tré/ Cầm cổ đem về bắc nước làm lông/ Miếng nạc thời để phân chồng/ Miếng xương mẹ gặm miếng lòng con ăn*”... Qua những câu ca dao vừa dẫn, chúng ta thấy hiện lên thật rõ nét hình ảnh người vợ, người mẹ hết lòng vì chồng vì con. Họ đã quên đi cái tôi của bản thân, chỉ một lòng nghĩ đến những người thân yêu, ruột thịt, đó là chồng họ, con cái của họ. Những người đàn bà trong ca dao đã chịu đựng, hy sinh đến mức nhẫn nhịn, cam chịu: “*Lấy chồng theo thói nhà chồng/ Bao nhiêu thói cũ trả lòng mẹ cha*”, “*Con vua lấy thằng đót than/ Nó đi lên ngàn cũng phải đi theo*”. Đôi khi, sự hy sinh, cam chịu trở nên thái quá, nó phản ánh sự lệ thuộc của người phụ nữ vào chồng vào con: “*Có con phải khổ vì con/ Lấy chồng phải gánh xương hom cho chồng/ Có con phải khổ vì con/ Có chồng phải ngậm bồ hòn đặng cay*”.

Nói như thế không có nghĩa là cuộc sống vợ chồng của người Việt xưa không có tình yêu, chúng ta đều biết rằng tình cảm - sự yêu thương phải có quá trình vun đắp, họ đã gắn kết với nhau bằng đạo nghĩa, bằng sự cố gắng tận tâm làm tốt vai trò, nghĩa vụ của mình: “*Tay mang khăn gói sang sông/ Mỏ hôi ướn dẫm thương chồng phải theo*”, “*Vì chồng nên phải gắng công/ Nào ai xương sắt mình đồng chi đây*” đã khiến người chồng cảm phục, yêu thương và tin tưởng: “*Đã lòng đùm bọc vì yêu/ Thời anh đắp diêm trăm điều đại khôn*”, không khí

gia đình hòa thuận, yên ấm: “*Râu tôm nấu với ruột bầu/ Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon*”.

Như vậy, có thể thấy trong giao tiếp - ứng xử với chồng, thế chủ động thuộc về người vợ, họ sẵn sàng thỏa hiệp với chồng bởi họ là người đã mang sẵn trong mình những khuôn mẫu ứng xử (do có sự bất chước và đồng nhất hóa với hình ảnh, hành vi của người mẹ và những phụ nữ khác trong cộng đồng). Những khuôn mẫu ấy ngày càng được củng cố bởi giá trị, hệ thống giá trị, chuẩn mực đạo đức mà cả xã hội đang theo đuổi - đề cao đức hy sinh, sự chung thủy của người vợ đối với chồng, sự đảm đang, tháo vát gánh vác các công việc của gia đình nhà chồng, những giá trị này đã tồn tại bền vững trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của xã hội Việt Nam.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Trần Thu Hương. *Một số nét tâm lý đặc trưng trong giao tiếp của người Việt xưa thông qua ca dao tục ngữ*. Luận văn thạc sĩ khoa học Tâm lý học, Hà Nội, 2005.
2. Phạm Việt Long. *Tục ngữ ca dao về quan hệ gia đình*. NXB CTQG, 2004.
3. Phạm Minh Thảo. *Nghệ thuật ứng xử của người Việt*. NXB Văn hóa Thông tin, 2003.